TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2022.
V/v:Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Ngọc Chiêm.**

Bà **Long Thị Thịnh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Hoàn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà **Triệu Kim Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về: *"Ly hôn, nuôi con chung"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1994 (Có mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã X, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Hứa Văn T, sinh năm 1992 (Có mặt);

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

* Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N kết hôn với anh Hứa Văn T vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N vào ngày 19/12/2014. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi ngoại tình với một người phụ nữ ở trong thôn và anh T có hành vi sàm sỡ với một người phụ nữ khác cũng ở trong thôn. Anh T có hành vi ngoại

tình và có hành vi sàm sỡ với 02 phụ nữ ở trong thôn đã được Công an xã L giải quyết nên mọi người trong thôn đều biết. Việc anh T có những hành vi như vậy thể hiện anh T sống không chung thủy với chị N nên chị N không thể tha thứ cho những hành vi này của anh T. Khi chị N biết những việc này, chị N có khuyên can, nói chuyện với anh T thì bị anh T đánh. Cũng chính từ việc anh T có hành vi ngoại tình và sàm sỡ với người phụ nữ khác dẫn đến mọi người trong thôn đều bàn tán nên đi đâu ai cũng hỏi chị N làm cho chị N rất xấu hổ. Do đó mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh Hứa Văn T.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên là Hứa Việt C, sinh ngày 19/9/2015 và Hứa Anh Q, sinh ngày 10/8/2017. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị N yêu cầu tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên về vấn đề con chung theo biên bản hòa giải: Ly hôn chị N đồng ý cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị N cấp dưỡng nuôi 02 con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con chung, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật và ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 05 hàng tháng.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Hứa Văn T trình bày:

* Về hôn nhân: Anh T nhất trí với lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sau khi uống rượu vào đôi khi không làm chủ được bản thân nên có được mắng chửi chị N 03 lần và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác cũng như có hành vi sàm sỡ với người phụ nữ khác. Việc ngoại tình anh T đã chấm dứt, còn hành vi sàm sỡ người phụ nữ khác đã được công an xã hòa giải, người bị sàm sỡ đã rút đơn, anh T đã bồi thường cho người bị sàm sỡ. Vì những lý do này mà anh T và chị N đã phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh T thấy tình cảm của anh T với chị N vẫn còn, anh T mong muốn chị N tha thứ, quay trờ lại đoàn tụ gia đình. Do đó chị N xin ly hôn anh T không nhất trí.

* Về con chung: Anh T nhất trí với trình bày của chị N về con chung. Anh T không đồng ý ly hôn, mong muốn chị N tha thứ, quay lại đoàn tụ gia đình. Nhưng nếu Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn thì anh T yêu cầu tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị N về vấn đề con chung theo biên bản hòa giải: Anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung tên là Hứa Việt C, sinh ngày 19/9/2015 và Hứa Anh Q, sinh ngày 10/8/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con chung. Thời

điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 05 hàng tháng.

* Về tài sản chung, nợ chung**:** Không có.

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của anh T chị N thông qua người thân (các Biên bản xác minh cùng ngày 12/01/2022 đối với ông Hứa Văn H, là bố của anh T và anh Hứa Văn H1, là anh họ của anh T có kết quả như sau:

- Ông H trình bày: Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chị N, anh T sống cùng gia đình anh T ở thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình sinh sống tại gia đình thì gia đình không thấy hai vợ chồng chị N, anh T có mâu thuẫn gì. Đến khoảng mấy năm gần đây hai vợ chồng đi làm công nhân, lâu lâu mới về thăm gia đình và các con của hai vợ chồng 01 lần. Từ khi hai vợ chồng đi làm công nhân khi về thăm gia đình thì không thấy hai vợ chồng về cùng nhau. Anh T về còn ở lại mấy hôm rồi mới đi làm tiếp, còn chị N về thăm con rồi lại đi luôn trong ngày (Bút lục: 35).

- Anh H1 trình bày: Quá trình anh T, chị N chung sống với nhau anh H1 có được biết anh T tát chị N 01 lần vào năm 2019 (Bút lục: 36).

Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của anh T, chị N thông qua các tổ chức, đoàn thể ở Thôn, thông qua chính quyền địa phương (Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 12/01/2022 đối với bà Bàn Thị N, trưởng thôn N; ông Bế Văn C, Trưởng ban mặt trận thôn N; Ông Hà Huy D, công an viên thôn N; Các Biên bản xác minh cùng ngày 14/02/2022 đối với ông Nguyễn Quốc H, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã L; bà Hoàng Thị H, Chi hội trưởng - Chi hội Phụ nữ thôn N, kết quả:

Chị N và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống cùng gia đình của anh Tiệp ở thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của hai vợ chồng xuất phát từ việc có 01 lần anh T có hành vi sàm sỡ với 01 người phụ nữ ở trong thôn vào năm 2019 và anh T có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác cũng ở trong thôn vào năm 2020. Hiện nay anh T đã chấm dứt việc ngoại tình. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi ngoại tình thì anh T cũng có được tát chị N 01 lần vào đầu năm 2021 tại gia đình anh T. Về mâu thuẫn của hai vợ chồng do chị N và anh T không yêu cầu Tổ hòa giải của thôn hòa giải nên thôn không tổ chức hòa giải. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và cũng từ năm 2020 sau khi anh T đi ngoại tình thì chị N đi làm công nhân và hai vợ chồng cũng đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay (Bút lục: 32, 33, 34, 38 và 41).

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hứa Văn T.

- *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh T tại Biên bản hòa giải: Giao 02 (Hai) con chung tên là Hứa Việt C, sinh ngày 19/9/2015 và Hứa

Anh Q, sinh ngày 10/8/2017 cho anh Hứa Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị N cấp dưỡng nuôi 02 con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con chung. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 05 hàng tháng.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hứa Văn T. Bị đơn anh Hứa Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã Liêm T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu do các bên đương sự cung cấp, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, sau đó đến đầu năm 2019 giữa chị N và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với lý do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác ở trong thôn, anh T có hành vi sàm sỡ với một người phụ nữ khác cũng ở trong thôn, anh T đánh chị N 01 lần và anh T cũng thừa nhận là trong thời gian chung sống có được mắng chửi chị N. Việc anh T có những hành vi như vậy thể hiện anh T sống không chung thủy, không yêu thương, tôn trọng đối với chị N dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không đảm bảo, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có yêu cầu xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T cũng thừa nhận bản thân có thực hiện những hành vi như ngoại tình, sàm sỡ người phụ nữ khác. Nhưng anh T cho rằng tuy có khúc mắc, mâu thuẫn nhưng tình cảm của anh T với chị N vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức ly hôn nên anh T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh T không thuyết phục được chị N quay về đoàn tụ với anh T cũng như việc anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và đưa ra được lời trình bày đủ sức thuyết phục về cuộc hôn nhân của hai vợ chồng vẫn có thể níu kéo, hàn gắn được. Hơn nữa, các bên đã sống ly thân nhau một thời gian khá dài nhưng cả hai vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm và cũng không quan tâm chăm sóc đến nhau. Đánh giá toàn diện vụ việc, HĐXX thấy rằng có căn cứ để kết luận hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị N, anh T có 02 (Hai) con chung tên là Hứa Việt C, sinh ngày 19/9/2015 và Hứa Anh Q, sinh ngày 10/8/2017. Tại Biên bản Hòa giải ngày 02/12/2021 chị N và anh T đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết cho các bên ly hôn, cụ thể:

Chị N đồng ý cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị N cấp dưỡng nuôi 02 con chung định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con chung, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 05 hàng tháng. Tại phiên tòa, các bên vẫn không thay đổi thỏa thuận này và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về vấn đề nuôi con và cấp dương dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, thỏa thuận của các bên đương sự tại biên bản hòa giải ngày 02/12/2021 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị N và anh T đều xác định hai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N và anh T đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, xác nhận chị Nhị đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, theo biên lai số 0001724, ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Chị Nhị phải tiếp tục nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 108 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Hoàng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hứa Văn T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Giao 02 (Hai) con chung tên là Hứa Việt C, sinh ngày 19/9/2015 và Hứa Anh Q, sinh ngày 10/8/2017 cho anh Hứa Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Hoàng Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hoàng Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con chung Hứa Việt C và Hứa Anh Q định kỳ hàng tháng với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 con chung/tháng cho đến khi 02 (Hai) con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ngày thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 05 hàng tháng. Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, xác nhận chị N đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, theo biên lai số 0001724, ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Chị N phải tiếp tục nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Na Rì;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Thanh Bình